

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS-PT
Ngày: 02 - 4 - 2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;
Bà Ngô Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2020/TLPT-DS ngày 16/12/2020
về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm
2020 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2021/QĐ-PT
ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Văn M, sinh năm 1950, (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thị 1, xã H, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cao Văn M: Ông Lại Văn
G là luật sư – Công ty luật TNHH MTV T, thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang,
(có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1963, (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện CM, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Cao Văn H, sinh năm: chưa xác định, (vắng mặt);

Địa chỉ: xã K, huyện M, tỉnh Q.

3.2. Ông Lê Hoài N, sinh năm 1985, (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã An, huyện T, tỉnh Đ.

3.3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1994, (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1972, (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện CM, tỉnh An Giang.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn R là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai ngày 21/8/2018 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Cao Văn M trình bày: Ngày 13/5/2018 ông R có điện đặt khoai môn đến ngày 14/5/2018 ông giao hàng ông có bán khoai môn cho ông Nguyễn Văn R số lượng 54.000kg, sau đó ông R mua thêm 900kg; tổng số tiền 877.500.000 đồng, ông R đã trả được 690.000.000 đồng còn thiếu lại 187.500.000 đồng. Khi giao nhận khoai môn con ông R (Nguyễn Văn K, sinh năm 1994) nhận trả tiền cho ông cũng do K trả có làm sổ giao nhận, sổ này do K giữ. Ông R là người điện thoại đặt hàng trực tiếp của ông M ngoài ra không ai mua bán với ông. Ông M có đến nhà đòi ông R số tiền còn thiếu ông R cho rằng phía người mua không trả tiền, nên ông R không trả cho ông M. Địa điểm giao nhận hàng tại kho của ông M, ông R tự thuê xe nhận hàng tôi không biết. Nay, yêu cầu ông R trả lại cho ông 187.500.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn R trình bày: Ông M trình bày số lượng khoai môn, số tiền còn thiếu 187.500.000 đồng là đúng. Nhưng ông không có mua khoai của ông M, ông chỉ làm trung gian giới thiệu cho ông H mua khoai của ông M và chỉ ăn huê hồng từ ông H là 200 đồng/kg nhưng chưa nhận tiền huê hồng. Ông dẫn ông Hiếu đến nhà ông M để hai bên thương lượng việc mua bán. Khi giao hàng thì ông N nhận (là người làm của ông H) kiểm và nhận hàng của ông M giao. Khi giao nhận khoai không có mặt ông, khi trả tiền, ông Hiếu chuyển tiền qua tài khoản của ông, ông mới kêu K (con của ông) rút tiền ra và do K mang đem trả cho ông M bằng tiền mặt. Khi K trả tiền cho ông M thì ông M có ký vào sổ cho K. Lúc nhận hàng ngày thì N có nhờ K ghi sổ giao nhận dùm. Nay ông M yêu cầu trả tiền còn thiếu ông không đồng ý vì ông không có mua khoai môn của ông M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của ông R, anh có quen biết ông N, ông N mua khoai nên nhờ anh đi cùng để ghi sổ dùm, do ông N không viết chữ rành, nên khi ông N chuyển tiền lấy sổ tài khoản của cha anh là ông R nhận tiền chuyển để giao cho ông M tiền mua khoai, ngoài ra không giao dịch hay mua bán với ông M.

- Ông Cao Văn Hiếu và ông Lê Hoài N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Hiếu, ông N không gửi văn bản cũng như

không tham gia các phiên hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông Hiếu, ông N về yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn M.

- Buộc ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ trả cho ông Cao Văn M số tiền 187.500.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn R nộp đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 184/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn R trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông Cao Văn M trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn R. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 184/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn R nộp đơn kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận thụ lý vụ án để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Giữa ông Cao Văn M với ông Nguyễn Văn R phát sinh tranh chấp về hợp đồng mua bán khoai môn. Vào các ngày 13, 14, 15, 16/5/2018 ông M có bán khoai môn cho ông R với số lượng là 54.000kg khoai môn với giá 16.000 đồng/kg và 900kg với giá 15.000 đồng/kg. Tổng cộng số tiền là 877.500.000 đồng, sau đó ông R đã trả nhiều lần được số tiền 690.000.000 đồng.

Hiện tại ông R còn nợ 187.500.000 đồng thì ngưng không trả và nại ra rằng chỉ làm trung gian giới thiệu cho ông Hiếu mua khoai của ông M, ông R hưởng hoa hồng 200 đồng/kg từ ông N nên không đồng ý trả tiền cho ông M.

Xét thấy, việc ông R cho rằng ông Hiếu là người mua khoai môn của ông M là không có căn cứ. Bởi vì, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông R là người trực tiếp giao dịch mua bán, thỏa thuận giá cả với ông M, đến khi cân khoai thì cũng có mặt ông R chứng kiến, việc này được ông R thừa nhận tại biên bản hòa giải tại ấp An Phú ngày 16/8/2018, con ông R tên K là người trực tiếp ghi sổ sách tính tiền, cũng là người mang tiền trực tiếp đến trả cho ông M nhiều lần. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông R cũng thừa nhận ông kêu xe lại chở hàng rồi giao cho ông N ở Đ nên không chứng M được việc ông R chỉ là cò để hưởng hoa hồng từ ông N. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông R là người trực tiếp mua khoai môn của ông M, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M. Buộc ông R có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền 187.500.000 đồng là có căn cứ.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm ông R không cung cấp được chứng cứ mới để chứng M cho yêu cầu kháng cáo, nên không có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 184/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4]. Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông R là người cao tuổi để miễn án phí sơ thẩm theo quy định là không đúng. Bởi vì, theo giấy chứng M nhân dân và các giấy tờ khác có trong hồ sơ vụ án được thể hiện ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1963, nên đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì ông R chưa được 60 tuổi và cũng không có bất cứ giấy tờ nào chứng M thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định. Tuy nhiên, do các đương sự trong vụ án không có kháng cáo về phần án phí sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét. Trong việc này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông R phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn R.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các Điều 357, 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn M.

2. Buộc ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ trả cho ông Cao Văn M số tiền 187.500.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn R không phải chịu án phí, do ông R là người cao tuổi theo quy định Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Ông Nguyễn Văn R phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013755 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thám